

Số: ~~456~~ 456/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng thống kê đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-BHXH ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Bảo hiểm xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Lưu: VT, KHĐT(05b).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội

(Kèm theo Quyết định số: 456/QĐ-BHXH ngày 23..tháng.4..năm.2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định về Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội (BHXH) bao gồm:

- Chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH;
- Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin thống kê; công bố và sử dụng thông tin thống kê.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam;
- b) BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân;
- c) BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- d) BHXH các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- đ) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH BHXH

Điều 2. Chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH gồm:

1. Danh mục mẫu biểu thống kê tổng hợp ngành BHXH và mẫu biểu thống kê: được thiết kế để thu thập và lưu giữ cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp ngành BHXH tại từng đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam gồm 08 biểu mẫu (chi tiết tại Phụ lục số 01).

2. Hướng dẫn lập biểu mẫu: hướng dẫn cụ thể về nguồn số liệu, thời điểm chốt số liệu, cách thu thập số liệu, trách nhiệm thu thập và lưu giữ số liệu đối với từng biểu mẫu (chi tiết tại Phụ lục số 02).

Điều 3. Nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH

1. Đơn vị lập báo cáo

Đơn vị lập báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

2. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu, dưới dòng đơn vị lập báo cáo.

3. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: phần số và phần chữ; Phần số được đánh liên tục từ 01, 02, 03...; phần chữ được ghi chữ in viết tắt sao cho phù hợp với loại báo cáo và kỳ báo cáo (Năm - N; Tháng - T, ...); lấy chữ BCN (Báo cáo Ngành) thể hiện cho hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê ngành BHXH; lấy ký hiệu viết tắt tên của các đơn vị để thể hiện cho đơn vị thực hiện báo cáo.

4. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê (sau tên biểu báo cáo). Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

a) Báo cáo tháng: được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

b) Báo cáo quý: được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng đầu tiên của quý cho đến ngày cuối cùng của tháng thứ ba của quý báo cáo.

c) Báo cáo 6 tháng: được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 và từ ngày 01 tháng 7 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

d) Báo cáo năm: được tính bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

e) Báo cáo thống kê đột xuất: được thực hiện khi có yêu cầu đột xuất ngoài các kỳ báo cáo nêu trên.

f) Thời hạn báo cáo:

Ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

g) Phương thức gửi báo cáo

Các báo cáo thống kê được thực hiện dưới hai hình thức: bằng văn bản và qua thư điện tử (tệp dữ liệu định dạng bảng tính Excel). Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị, đảm bảo số liệu chính xác, khớp đúng với số liệu điện tử và gửi đến đơn vị nhận báo cáo qua Hệ thống thông tin quản lý văn bản điều hành.

Điều 4: Trách nhiệm lập và gửi báo cáo thống kê

Định kỳ các đơn vị trực thuộc BHXH tỉnh và BHXH Việt Nam chịu trách nhiệm lập và gửi báo cáo thống kê theo quy định, cụ thể:

1. Tại BHXH tỉnh:

a) Các phòng nghiệp vụ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị lập báo cáo gửi về Phòng Kế hoạch - Tài chính cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý thu thực hiện 02 Báo cáo thống kê thu BHXH, BHYT, BHTN theo mẫu 02T/BCN- THU và 02N/BCN-THU.

- Phòng Giám định BHYT thực hiện Báo cáo thống kê chi KCB BHYT theo mẫu số 04T/BCN-CSYT.

- Phòng Thực hiện chính sách BHXH thực hiện Báo cáo thống kê số người được xét duyệt hưởng BHXH, BHTN theo mẫu số 05T/BCN-CSXH.

b) Phòng Kế hoạch Tài chính, có trách nhiệm:

- Thực hiện Báo cáo thống kê chi BHXH, BHTN theo mẫu số 03T/BCN-KHTC; mẫu số 03N/BCN-TCKT.

- Trên cơ sở báo cáo của các phòng nghiệp vụ và Báo cáo thống kê chi BHXH, BHTN, thực hiện Báo cáo thống kê tổng hợp kết quả thu, chi BHXH, BHTN, BHYT theo mẫu 01T/BCN-KHĐT gửi BHXH Việt Nam (Vụ Kế hoạch và Đầu tư).

- Thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh gửi Cục Thống kê tỉnh theo quy định.

- Thực hiện lưu giữ cơ sở dữ liệu thống kê của đơn vị theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 1 dưới hình thức văn bản và tệp dữ liệu điện tử.

2. Tại BHXH Việt Nam

a) Các Vụ, Ban nghiệp vụ căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị tổng hợp báo cáo thống kê theo lĩnh vực phụ trách gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Ban Thu thực hiện 02 Báo cáo thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT theo mẫu 02T/BCN-THU và 02N/BCN-THU.

- Ban Thực hiện chính sách BHYT thực hiện Báo cáo thống kê chi KCB BHYT theo mẫu số 04T/BCN-CSYT.

- Ban Thực hiện chính sách BHXH thực hiện Báo cáo thống kê số người được xét duyệt hưởng BHXH, BHTN theo mẫu số 05T/BCN-CSXH.

- Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện Báo cáo thống kê chi BHXH, BHTN theo mẫu 03T/BCN-TCKT, mẫu 03N/BCN-TCKT và Báo cáo thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT theo mẫu số 06N/BCN-TCKT.

b) Vụ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở báo cáo của các đơn vị nghiệp vụ, có trách nhiệm:

- Tổng hợp số liệu của toàn Ngành theo mẫu 01T/BCN-KHĐT báo cáo Lãnh đạo Ngành. Số liệu tổng hợp tại báo cáo 01T/BCN-KHĐT hàng tháng là cơ sở lập báo cáo chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo ngành và báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ theo quy định.

- Thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia quy định tại Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

- Thực hiện lưu giữ cơ sở dữ liệu thống kê của toàn Ngành theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 1 dưới hình thức văn bản và tệp dữ liệu điện tử.

Chương III

KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG TIN THỐNG KÊ; CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ

Điều 5. Khai thác cơ sở dữ liệu thông tin thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê

1. Căn cứ vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê và Chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH, Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm xây dựng phần mềm hỗ trợ khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu ban đầu của Ngành thông qua các hình thức:

- Khai thác dữ liệu báo cáo theo Danh mục báo cáo thống kê ngành BHXH.

- Tạo lập các gói phân tích động (Datamart) cho phép người dùng kéo thả các chỉ tiêu và phân tổ các chỉ tiêu để có được phân tích sâu hơn.

- Tạo lập từ điển dữ liệu mô tả chi tiết khái niệm, và phân tổ chủ yếu của từng chỉ tiêu thống kê thuộc Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành BHXH.

2. Cơ sở dữ liệu thống kê của ngành BHXH là tập hợp những thông tin thống kê thuộc lĩnh vực quản lý của Ngành được lưu giữ dưới hình thức văn bản và tệp dữ liệu điện tử trong hệ thống mạng máy tính, gồm cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu và cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp.

3. Việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu của ngành BHXH được quy định chi tiết tại “Quy chế cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê của Ngành” phù hợp với quy định của pháp luật thống kê và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước áp dụng đối với ngành BHXH

4. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm tổ chức xây dựng Quy chế cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê của Ngành và triển khai thực hiện các hoạt động nhằm tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê của ngành BHXH.

Điều 6. Công bố thông tin thống kê

1. Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định việc công bố thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ngành BHXH theo quy định. Không công bố các thông tin thống kê có trong các tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ tối mật và độ mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành BHXH.

2. Thông tin thống kê do BHXH Việt Nam quyết định công bố là thông tin có giá trị pháp lý, không một tổ chức, cá nhân nào được sửa chữa, thay đổi.

3. Thông tin thống kê của ngành BHXH được công bố thông qua các hình thức và phương tiện: Niên giám thống kê; đăng trên Cổng thông tin điện tử của BHXH Việt Nam và các văn bản chính thức khác trên cơ sở phê duyệt của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

4. Vụ KHĐT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam xây dựng Niên giám thống kê của ngành BHXH; phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Truyền thông và các cơ quan, tổ chức khác thuộc BHXH Việt Nam biên tập để công bố thông tin thống kê trên Cổng thông tin điện tử của Ngành.

Điều 7. Sử dụng, quản lý thông tin thống kê

1. Mọi tổ chức, cá nhân được bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng thông tin thống kê đã được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam công bố theo quy định tại Quyết định này.

2. Thông tin thống kê phải được sử dụng thống nhất trong tất cả các báo cáo của đơn vị có sử dụng số liệu thống kê.

3. Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê của Ngành đã được công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin.

4. Vụ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Văn phòng và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan giúp Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam thống nhất quản lý thông tin thống kê của Ngành theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Quyết định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này và bố trí các điều kiện đảm bảo thực hiện Quyết định.

2. Đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 1 có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

3. Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức thuộc BHXH Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên phạm vi toàn quốc.

Trong phạm vi thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê của các cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo. Việc kiểm tra được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo chuyên đề trong từng lĩnh vực hoặc theo địa bàn.

4. BHXH tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai việc thực hiện Quyết định này tại địa phương.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc BHXH Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê của ngành BHXH và các hoạt động thống kê khác quy định tại Quyết định này, bảo đảm cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn.

6. Trường hợp các điều khoản, văn bản tham chiếu thực hiện tại Quy định này được bổ sung, thay thế bằng điều khoản, văn bản mới thì áp dụng theo điều khoản, văn bản thay thế, bổ sung.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về BHXH Việt Nam (Vụ Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, giải quyết. /

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh



DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH BHXH
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 456 /QĐ-BHXH ngày 23 / 4 /2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời hạn báo cáo
1	01T/BCN - KHĐT	Thống kê tổng hợp kết quả thu, chi BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh - BHXH VN	- BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC - BHXH VN: ngày 10 tháng sau tháng BC
2	02T/BCN - THU	Thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng Quản lý thu - Ban Thu	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC - BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC
3	02N/BCN -THU	Thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT theo khối quản lý	Năm	- Phòng Quản lý thu - Ban Thu	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 18 tháng 6 năm sau - BHXH VN: ngày 22 tháng 6 năm sau
4	03T/BCN - TCKT	Thống kê chi BHXH, BHTN	Tháng	- Phòng KHTC - Vụ TCKT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC - BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC
5	03N/BCN-TCKT	Thống kê số người, số tiền chi các chế độ BHXH, BHTN	Năm	- Phòng KHTC - Vụ TCKT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 18 tháng 6 năm sau - BHXH VN: ngày 22 tháng 6 năm sau
6	04T/BCN - CSYT	Thống kê chi KCB BHYT	Tháng	- Phòng GD BHYT - Ban CSYT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC - BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC
7	05T/BCN - CSXH	Số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHXH, BHTN hàng tháng	Tháng	- Phòng chế độ BHXH - Ban CSXH	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC - BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC
8	06N/BCN - TCKT	Thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT	Năm	- Vụ TCKT	- Vụ KHĐT	- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm BC

- Biểu số: 01T/BCN-KHĐT

(Ban hành theo QĐ số 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019
của Tổng Giám đốc BHXHVN)

Ngày nhận báo cáo:

- Tại BHXH tỉnh: ngày 05 tháng sau tháng BC

- Tại BHXH VN: ngày 10 tháng sau tháng BC

THỐNG KÊ TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU - CHI BHXH, BHTN, BHYT Tháng năm

Đơn vị tổng hợp báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC

- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh

- BHXH Việt Nam

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số thực hiện từ đầu năm đến tháng trước	Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Đánh giá tình hình thực hiện			Ước thực hiện tháng sau
							So với tháng trước liền kề	So với cùng kỳ năm trước	So với KH giao	
	A	B	C	1	2	3=1+2	4	5	6	7
I	Tổng số người đóng BHXH, BHTN, BHYT	Người	1							
1	Số người đóng BHXH	Người	2							
	BHXH bắt buộc	Người	3							
	BHXH tự nguyện	Người	4							
2	Số người đóng BHTNLĐ-BNN	Người	5							
3	Số người đóng BHTN	Người	6							
4	Số người đóng BHYT	Người	7							
II	Tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT	Triệu đồng	8							
1	Thu BHXH	Triệu đồng	9							
1.1	BHXH bắt buộc	Triệu đồng	10							
1.2	BHXH tự nguyện	Triệu đồng	11							
2	Thu BHTNLĐ-BNN	Triệu đồng	12							
3	Thu BHTN	Triệu đồng	13							
4	Thu BHYT	Triệu đồng	14							
5	Thu lãi phạt chậm đóng	Triệu đồng	15							
III	Tổng số nợ BHXH, BHTN, BHYT	Triệu đồng	16							
1	Nợ BHXH	Triệu đồng	17							
2	Nợ BHTN	Triệu đồng	18							
3	Nợ BHTNLĐ-BNN	Triệu đồng	19							
4	Nợ BHYT	Triệu đồng	20							
	Trong đó: NSNN nợ (nhóm 3, 4)	Triệu đồng	21							
IV	Số người được giải quyết hưởng mới BHXH		22							
1	Hàng tháng	Người	23							
1.1	Hưu trí	Người	24							
1.2	Tuất	Người	25							
1.3	TNLD-BNN	Người	26							

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Số thực hiện từ đầu năm đến tháng trước	Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Đánh giá tình hình thực hiện			Ước thực hiện tháng sau
							So với tháng trước liền kề	So với cùng kỳ năm trước	So với KH giao	
	A	B	C	1	2	3=1+2	4	5	6	7
2	Một lần	Người	27							
2.1	BHXH 1 lần	Người	28							
2.2	Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu	Người	29							
2.3	TNLD 1 lần	Người	30							
2.4	Chết do TNLD	Người	31							
2.5	Bệnh nghề nghiệp 1 lần	Người	32							
2.6	Tuất 1 lần	Người	33							
2.7	Trợ cấp khu vực 1 lần	Người	34							
2.8	Mai táng phí	Người	35							
3	Ốm đau	Lượt người	36							
4	Thai sản	Lượt người	37							
5	Dưỡng sức PHSK	Lượt người	38							
V	Số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHTN		39							
1	Trợ cấp thất nghiệp	Người	40							
2	Hỗ trợ học nghề	Người	41							
3	Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề	Người	42							
4	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Người	43							
VI	Số lượt người KCB BHYT	Lượt người	44							
1	Ngoại trú	Lượt người	45							
2	Nội trú	Lượt người	46							
VII	Tổng số tiền chi BHXH, BHTN, BHYT	Triệu đồng	47							
1	Chi BHXH	Triệu đồng	48							
	Từ nguồn NSNN	Triệu đồng	49							
	Từ nguồn quỹ	Triệu đồng	50							
2	Chi BHTN	Triệu đồng	51							
3	Chi KCB BHYT	Triệu đồng	52							
4	Chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT	Triệu đồng	53							

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

....ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 02T/BCN-THU

(Ban hành theo QĐ số 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019
của Tổng Giám đốc BHXH VN)

Ngày nhận báo cáo:

- Tại BHXH tỉnh: ngày 05 của tháng sau tháng BC
- Tại BHXH VN: ngày 08 của tháng sau tháng BC

THỐNG KÊ
THU BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Tháng năm

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu
- BHXH Việt Nam: Ban Thu

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị tính: Người; triệu đồng

Tên đơn vị	Mã số	Thu BHXH, BHTN, BHYT											Nợ BHXH, BHTN, BHYT						
		Tổng số thu	Trong đó								Tổng nợ BHXH, BHTN, BHYT	Nợ BHXH	Nợ BHTN	Nợ BHTNLĐ - BNN	Nợ BHYT				
			Thu BHXH				Thu BHTN		Thu BHYT						Thu lãi phạt chậm đóng	Tổng số	NSNN nợ		
			Thu BHXH BB		Thu BHXH TN		Thu BHTNLĐ - BNN		Số người	Số tiền								Số người	Số tiền
Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Chia theo địa giới hành chính	01																		
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)	02																		
...																			
Cộng trong tháng																			
Ước thực hiện tháng sau																			

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 02N/BCN-T
 (Ban hành kèm theo QĐ số
 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019
 của Tổng Giám đốc BHXH VN)

**THỐNG KÊ THU BẢO HIỂM
 XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT
 NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
 PHÂN THEO KHỐI QUẢN LÝ**

Đơn vị báo cáo:
 - BHXH tỉnh: Phòng QLThu
 - BHXH Việt Nam: Ban Thu
Đơn vị nhận báo cáo:
 - BHXH tỉnh: Phòng KHTC
 - BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Ngày nhận báo cáo:
 - Tại BHXH tỉnh: ngày 18 tháng 6 năm sau
 - Tại BHXH VN: ngày 22 tháng 6 năm sau

Năm

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
A.	BẢO HIỂM XÃ HỘI	1					
I	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	2					
1	Doanh nghiệp NN	3					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	4					
3	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	5					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	6					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	7					
6	Xã, phường, thị trấn	8					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	9					
8	Hợp tác xã	10					
9	Đơn vị ngoài công lập	11					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	12					
11	Lao động có thời hạn ở NN	13					
12	Đối tượng tự đóng	14					
II	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	15					
III	Bảo hiểm TNLD, BNN	16					
1	Doanh nghiệp NN	17					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	18					
3	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	19					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	20					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	21					
6	Xã, phường, thị trấn	22					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	23					
8	Hợp tác xã	24					
9	Đơn vị ngoài công lập	25					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	26					
11	Khác...	27					
B	BH THẤT NGHIỆP	28					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	29					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	30					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	31					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	32					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	33					
6	Xã, phường, thị trấn	34					

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	35					
8	Hợp tác xã	36					
9	Đơn vị ngoài công lập	37					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	38					
11	Khác...	39					
C	THU BHYT	40					
I	Đơn vị, đối tượng đóng	41					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	42					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	43					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	44					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	45					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	46					
6	Xã, phường, thị trấn	47					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	48					
8	Hợp tác xã	49					
9	Đơn vị ngoài công lập	50					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	51					
11	Doanh nghiệp LLVT, CN CA	52					
II	Cơ quan BHXH đóng	53					
1	Hưu trí, trợ cấp MSLĐ hằng tháng	54					
2	Trợ cấp TNLĐ - BNN cho người đang hưởng trợ cấp BHXH hằng tháng	55					
3	Cán bộ xã hưởng Tr/cấp BHXH hằng tháng	56					
4	Ôm đau dài ngày	57					
5	Công nhân cao su	58					
6	Nghỉ chế độ thai sản	59					
7	Trợ cấp thất nghiệp	60					
III	Ngân sách NN đóng	61					
1	Thôi hưởng trợ cấp MSLĐ	62					
2	Cán bộ xã hưởng Tr/cấp NSNN	63					
3	Người có công với cách mạng	64					
4	Thân nhân người có công	65					
5	Phục vụ người có công	66					
6	Cựu chiến binh	67					
7	Đại biểu Quốc hội, HĐND	68					
8	Người tham gia kháng chiến	69					
9	Trẻ em dưới 6 tuổi	70					
10	Bảo trợ xã hội	71					
11	Người đã hiến bộ phận cơ thể	72					
12	Người thuộc GD nghèo	73					
13	Người DTTS sống vùng KK, ĐBKK	74					
14	Người sống ở vùng ĐBKK	75					
15	Người sống ở xã đảo, huyện đảo	76					
16	Thân nhân Công an	77					

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
17	Người làm công tác cơ yếu	78					
18	Thân nhân Cơ yếu	79					
19	Lưu học sinh	80					
20	Trên 80 tuổi hưởng TC tuất	81					
21	Khác ...	82					
IV	Ngân sách NN hỗ trợ mức đóng	83					
1	Học sinh, sinh viên	84					
1.1	Học sinh, sinh viên TW	85					
1.2	Học sinh, sinh viên địa phương	86					
2	Hộ cận nghèo	87					
2.1	Ngân sách NN hỗ trợ 100%	88					
2.2	Ngân sách NN hỗ trợ một phần	89					
3	Hộ Nông, lâm, ngư, diêm có MSTB	90					
4	Hộ nghèo đa chiều không thuộc đối tượng NSNN đóng	91					
5	Khác	92					
V	Hộ gia đình	93					
VI	Người sử dụng lao động đóng	94					
1	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội	95					
2	Thân nhân của công nhân công an phục vụ trong Công an nhân dân	96					
3	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu	97					
	Tổng cộng (A+B+C)	98					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 03T/BCN-TCKT

(Ban hành theo Quyết định số 456/QĐ-BHXH ngày:
23/4/2019 của Tổng Giám đốc BHXH VN)

Ngày nhận báo cáo:

- Tại BHXH tỉnh: ngày 05 của tháng sau tháng BC
- Tại BHXH VN: ngày 08 của tháng sau tháng BC

**THÔNG KÊ CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**

Tháng năm

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ TCKT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Tên đơn vị	Mã số	CHI BHXH														2. CHI BHTN	
		Nguồn NSNN				Nguồn quỹ BHXH											
		Hàng tháng		Một lần		Quỹ Hưu trí				Quỹ TNLD - BNN				Quỹ Ốm đau TS			
		Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số người	Số tiền (tr.đồng)	Số lượt người	Số tiền (tr.đồng)	Số lượt người	Số tiền (tr.đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Chia theo địa giới hành chính	01																
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)	02																
	...																
Cộng trong tháng																	
Ước thực hiện tháng sau																	

Ghi chú: Nguồn số liệu : Tại BHXH Việt Nam: Số thực trả tại mẫu 01-QLC, 02a-QLC, 02b-QLC, 5-QLC tại QĐ 828/QĐ-BHXH

Tại BHXH tỉnh: số thực trả tại mẫu 4-CBH, 5-CBH tại QĐ 828/QĐ-BHXH

....ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số: 03N/BCN-TCKT
 (Ban hành theo Quyết định số
 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019 của
 Tổng Giám đốc BHXH VN)

**THÔNG KÊ SỐ NGƯỜI, SỐ
 TIỀN CHI CÁC CHẾ ĐỘ
 BHXH, BHTN**

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ TCKT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Ngày nhận báo cáo:

- Tại BHXH tỉnh: ngày 18 tháng 6 năm sau
- Tại BHXH VN: ngày 22 tháng 6 năm sau

Năm

LOẠI CHẾ ĐỘ		Mã số	Đơn vị tính	Số đối tượng được chi trả	Số tiền chi
A		B	C	1	2
A	Nguồn NSNN	1			
I	Chi BHXH hàng tháng	2			
1	Hưu quân đội	3	Người/Triệu đồng		
2	Hưu công nhân viên chức	4	Người/Triệu đồng		
3	Trợ cấp công nhân cao su	5	Người/Triệu đồng		
4	Trợ cấp mất sức lao động	6	Người/Triệu đồng		
5	Trợ cấp 91	7	Người/Triệu đồng		
6	Trợ cấp TNLĐ-BNN	8	Người/Triệu đồng		
7	Trợ cấp phục vụ TNLĐ-BNN	9	Người/Triệu đồng		
8	Trợ cấp tuất ĐSCB	10	Người/Triệu đồng		
9	Trợ cấp tuất ĐSND	11	Người/Triệu đồng		
10	Trợ cấp 613	12	Người/Triệu đồng		
II	Chi BHXH một lần	13			
1	Trợ cấp mai táng	14	Người/Triệu đồng		
2	Trợ cấp tuất một lần	15	Người/Triệu đồng		
3	Phương tiện trợ giúp SH, ĐCCH	16	Người/Triệu đồng		
5	Trợ cấp khu vực một lần	17	Người/Triệu đồng		
7	Trợ cấp QĐ 52	18	Người/Triệu đồng		
8	Phí giám định y khoa	19	Người/Triệu đồng		
III	Đóng BHYT	20	Người/tr.đồng		
IV	Lệ phí chi trả	21	Người/tr.đồng		
B	Nguồn quỹ BHXH	22			
I	Quỹ hưu trí-Tử tuất	23			
1	Chi BHXH bắt buộc hàng tháng	24	Người/Triệu đồng		
	Hưu quân đội	25	Người/Triệu đồng		
	Hưu công nhân viên chức	26	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp cán bộ xã, phường	27	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất ĐSCB	28	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất ĐSND	29	Người/Triệu đồng		
2	Chi BHXH bắt buộc một lần	30			
	BHXH một lần	31	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp 1 lần khi về hưu	32	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp mai táng	33	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất 1 lần	34	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp khu vực một lần	35	Người/Triệu đồng		
	Phí giám định y khoa	36	Người/Triệu đồng		
3	Chi BHXH tự nguyện	37			
	Lương hưu	38	Người/Triệu đồng		

LOẠI CHẾ ĐỘ		Mã số	Đơn vị tính	Số đối tượng được chi trả	Số tiền chi
A		B	C	1	2
	BHXH một lần	39	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu	40	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp mai táng	41	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất 1 lần	42	Người/Triệu đồng		
4	Đóng BHYT	43	Người/Triệu đồng		
II	Quỹ TNLĐ - BNN	44			
1	Chi hàng tháng	45			
	Trợ cấp TNLĐ-BNN	46	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp phục vụ TNLĐ-BNN	47	Người/Triệu đồng		
2	Chi một lần	48			
	Trợ cấp TNLĐ-BNN 1 lần	49	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp khi người lao động chết do TNLĐ-BNN	50	Người/Triệu đồng		
	Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau TNLĐ-BNN	51	Lượt người/Triệu đồng		
	Phương tiện trợ giúp SH, DCCH	52	Người/Triệu đồng		
	Phí khám giám định thương tật, bệnh tật	53	Người/Triệu đồng		
	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro	54	Lượt người/Triệu đồng		
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	55	Người/Triệu đồng		
3	Đóng BHYT	56	Người/Triệu đồng		
III	Quỹ ốm đau thai sản	57			
1	Ốm đau	58	Lượt người/tr.đồng		
2	Thai sản	59	Lượt người/tr.đồng		
3	Dưỡng sức, PHSK	60	Lượt người/tr.đồng		
4	Đóng BHYT	61	Người/tr.đồng		
C	Quỹ BH Thất nghiệp	62			
1	Trợ cấp thất nghiệp	63	Lượt người/Triệu đồng		
2	Hỗ trợ học nghề	64	Người/Triệu đồng		
3	Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề	65	Người/Triệu đồng		
4	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	66	Đơn vị/Triệu đồng		
5	Đóng BHYT	67	Người/Triệu đồng		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

...,ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 04T/BCN-CSYT
 (Ban hành theo Quyết định số
 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019 của
 Tổng Giám đốc BHXH VN)

**THỐNG KÊ CHI KHÁM CHỮA BỆNH
 BẢO HIỂM Y TẾ**
 Tháng năm

Đơn vị báo cáo:
 - BHXH tỉnh: Phòng GĐBH YT
 - BHXH Việt Nam: Ban THCSYT
Đơn vị nhận báo cáo:
 - BHXH tỉnh: Phòng KHTC
 - BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Ngày nhận báo cáo:
 - Tại BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC
 - Tại BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC

Đơn vị: lượt người; triệu đồng

Tên đơn vị	Mã số	Thực hiện trong tháng				Lũy kế đến tháng báo cáo			
		Ngoại trú		Nội trú		Ngoại trú		Nội trú	
		Số lượt người	Số tiền	Số lượt người	Số tiền	Số lượt người	Số tiền	Số lượt người	Số tiền
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Chia theo địa giới hành chính	01								
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)	02								
	...								
Cộng trong tháng									
Ước thực hiện tháng sau									

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
 (Ký, họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 05T/BCN-CSXH

(Ban hành theo Quyết định số
456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2016
của Tổng Giám đốc BHXH VN)

Ngày nhận báo cáo:

- Tại BHXH tỉnh: ngày 5 tháng sau tháng BC
- Tại BHXH VN: ngày 8 tháng sau tháng BC

**THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI QUYẾT
HƯỞNG MỚI CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**

Tháng ... năm

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng CD BHXH
- BHXH Việt Nam: Ban TH

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Tên đơn vị	Mã số	CHẾ ĐỘ BHXH											CHẾ ĐỘ BHTN (người)						
		CHẾ ĐỘ HÀNG THÁNG (người)			CHẾ ĐỘ MỘT LẦN (người)								CHẾ ĐỘ ÓM ĐẦU, THAI SẢN (lượt người)			CHẾ ĐỘ BHTN (người)			
		Hưu trí	Trợ cấp tuất	Trợ cấp TNLĐ - BNN	BHXH một lần	Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu	TNLĐ một lần	Chết do TNLĐ - BNN	BNN một lần	Trợ cấp tuất 1 lần	Trợ cấp khu vực 1 lần	Mai táng phí	Óm đầu	Thai sản	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe	Trợ cấp thất nghiệp	Hỗ trợ học nghề	Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Chia theo địa giới hành chính	01																		
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính)	02																		
	...																		
Cộng trong tháng																			
Ước thực hiện tháng sau																			

Ghi chú: Nguồn số liệu : Mẫu 20HSB, 01A-HSB, 02-HSB tại Quyết định 636/QĐ-BHXH,

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 06N/BCN-TCKT

(Ban hành theo Quyết định số
456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019 của
Tổng Giám đốc BHXH VN)

THU, CHI QUỸ
BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Năm

Đơn vị báo cáo:

BHXH Việt Nam: Vụ TCKT

Đơn vị nhận báo cáo:

BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Ngày nhận báo cáo:

- Ngày 15 tháng 9 năm sau

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
A	B	1
I. TỔNG THU	1	
A. NSNN cấp chi BHXH	2	
B. Thu Quỹ BHXH	3	
1. Tiền thu BHXH từ các đối tượng	4	
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ	5	
3. Lãi đầu tư tài chính	6	
4. Thu khác	7	
C. Thu Quỹ BHTN	8	
1. Tiền thu BHTN từ các đối tượng	9	
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ	10	
3. Lãi đầu tư tài chính	11	
4. Thu khác	12	
D. Thu Quỹ BHYT	13	
1. Tiền thu BHYT từ các đối tượng	14	
2. Ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ	15	
3. Lãi đầu tư tài chính	16	
4. Thu khác	17	
II. TỔNG CHI	18	
A. Chi BHXH nguồn NSNN	19	
B. Chi Quỹ BHXH	20	
1. Chi các chế độ theo quy định	21	
2. Chi hoạt động quản lý	22	
C. Chi Quỹ BHTN	23	
1. Chi các chế độ theo quy định	24	
2. Chi hoạt động quản lý	25	
D. Chi Quỹ BHYT	26	
1. Chi các chế độ theo quy định	27	
2. Chi hoạt động quản lý	28	

...,ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Tiền ích văn bản luật

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Phụ lục số 02

QUYẾT ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO THỐNG KÊ

Quyết định số: 456 /QĐ-BHXH ngày 23 / 4 / 2019
của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Biểu số 01T/BCN-KHĐT: Thống kê tổng hợp kết quả thu, chi BHXH, BHTN, BHYT.

1. Mục đích: Thông tin báo cáo nhằm phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của từng đơn vị và của toàn Ngành nhằm giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh tổng hợp tình hình và đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của Ngành báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành theo quy định.

2. Trách nhiệm lập:

Hàng tháng, căn cứ vào số liệu báo cáo tại các Biểu số: 02T/BCN-THU, 03T/BCN-TCKT, 04T/BCN-CSYT, 05T/BCN-CSXH của các đơn vị (bộ phận) nghiệp vụ gửi, đơn vị được giao đầu mỗi tổng hợp công tác thống kê của toàn đơn vị có trách nhiệm lập Biểu số 01T/BCN-KHĐT, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT
- Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch - Tài chính

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Hướng dẫn lập báo cáo

Cột A: Ghi tên chỉ tiêu

Cột B: Đơn vị tính của chỉ tiêu tương ứng

Cột C: Ghi mã số chỉ tiêu

Cột 1- Số thực hiện từ đầu năm đến cuối tháng trước: Số liệu ghi vào cột này là số liệu tại cột 4 của báo cáo tháng trước liền kề tháng báo cáo

Cột 2- Số phát sinh tăng trong tháng: Ghi số phát sinh tăng trong tháng tương ứng với từng chỉ tiêu.

Cột 3- Số phát sinh giảm trong tháng: Ghi số phát sinh giảm trong tháng tương ứng với từng chỉ tiêu.

Cột 4- Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo: Là số phát sinh cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo.

$$\text{Cột 4} = \text{Cột 1} + \text{Cột 2} - \text{cột 3}$$

Cột 5 - So sánh tình hình thực hiện trong tháng với số thực hiện của tháng trước liền kề tháng báo cáo tính cho từng chỉ tiêu tương ứng.

Cột 6 - So sánh tình hình thực hiện trong tháng với số thực hiện của tháng cùng kỳ của năm trước liền kề tính cho từng chỉ tiêu tương ứng.

Cột 7 - So sánh tình hình thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo với kế hoạch được giao trong năm tính cho từng chỉ tiêu giao kế hoạch tương ứng.

Cột 8 - Ước thực hiện các chỉ tiêu trong tháng tiếp theo trên cơ sở số liệu thực hiện các chỉ tiêu trong tháng và tốc độ tăng giảm của các chỉ tiêu so với tháng trước.

Mã số 02: Ghi tổng số người đóng BHXH.

$$MS\ 02 = MS\ (03+04)$$

Mã số 03: Ghi số người đóng BHXH bắt buộc.

Mã số 04: Ghi số người đóng BHXH tự nguyện.

Mã số 05: Ghi số người đóng BHTNLĐ-BNN

Mã số 06: Ghi số người đóng BHTN

Mã số 07: Ghi số người đóng BHYT

$$MS\ 07 = MS\ (08+09)$$

Mã số 08: Ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT

$$MS\ 08 = MS\ (09+12+13+14+15)$$

Mã số 09: Ghi tổng số tiền thu BHXH

$$MS\ 09 = MS\ (10+11)$$

Mã số 10: Ghi số tiền thu BHXH bắt buộc

Mã số 11: Ghi số tiền thu BHXH tự nguyện

Mã số 12: Ghi số tiền thu BHTNLĐ-BNN

Mã số 13: Ghi số tiền thu BHTN

Mã số 14: Ghi số tiền thu BHYT

Mã số 15: Ghi số tiền thu lãi phạt chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT

Mã số 16: Ghi tổng số nợ BHXH, BHTN, BHYT

$$MS\ 16 = MS\ (17+18+19+20)$$

Mã số 17: Ghi số tiền nợ BHXH

Mã số 18: Ghi số tiền nợ BHTN

Mã số 19: Ghi số tiền nợ BHTNLĐ-BNN

Mã số 20: Ghi số tiền nợ BHYT

Mã số 21: Ghi số tiền NSNN chưa chuyển trả đóng và hỗ trợ đóng BHYT theo quy định

Mã số 23: Ghi số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHXH hàng tháng

$$MS\ 23 = MS\ (24+25+26)$$

Mã số 24: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ hưu trí

Mã số 25: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ tử tuất

Mã số 26: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ TNLĐ-BNN

Mã số 27: Ghi tổng số người được giải quyết hưởng mới các chế độ một lần

$$MS\ 27 = MS\ (28+29+30+31+32+33+34+35)$$

Mã số 28: Ghi số người được giải quyết hưởng mới BHXH 1 lần.

Mã số 29: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp một lần khi nghỉ hưu

Mã số 30: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp TNLĐ một lần

Mã số 31: Ghi số người chết do TNLĐ

Mã số 32: Ghi số người được giải quyết hưởng mới BNN một lần

Mã số 33: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ tuất một lần

Mã số 34: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp khu vực một lần

Mã số 35: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp mai táng phí

Mã số 36: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp ốm đau

Mã số 37: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp thai sản

Mã số 38: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

Mã số 39: Ghi số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHTN

MS 39 = MS (40+41+42+43)

Mã số 40: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp thất nghiệp

Mã số 41: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ học nghề

Mã số 42: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề

Mã số 43: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

Mã số 44: Ghi số lượt người KCB BHYT

MS 44 = MS (45+46)

Mã số 45: Ghi số lượt người điều trị ngoại trú

Mã số 46: Ghi số lượt người điều trị ngoại trú

Mã số 47: Ghi tổng số tiền chi BHXH, BHTN, BHYT

MS 47 = MS (48+51+52)

Mã số 48: Ghi số tiền chi BHXH

MS 48 = MS (49+50)

Mã số 49: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn NSNN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN theo quy định)

Mã số 50: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn Quỹ (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn quỹ theo quy định)

Mã số 51: Ghi số tiền chi BHTN

Mã số 52: Ghi số tiền chi BHYT

Mã số 53: Ghi số tiền chi BHXH, BHTN, BHYT (chi phí quản lý bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN thuộc ngành lao động và các khoản chi thực hiện nhiệm vụ về tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia, quản lý người thụ hưởng, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, phối hợp thu, chi trả chế độ, thanh tra, kiểm tra).

5. Nguồn số liệu

- Các chỉ tiêu thu, nợ: căn cứ số liệu hàng tháng từ Biểu số 02T/BCN-THU.

- Các chỉ tiêu chi BHXH, BHTN: căn cứ số liệu hàng tháng từ Biểu số 03T/BCN-TCKT.

- Các chỉ tiêu chi KCB BHYT: căn cứ số liệu hàng tháng từ Biểu số 04T/BCN-CSYT.

- Các chỉ tiêu số người được xét duyệt hưởng các chế độ BHXH, BHTN: căn cứ số liệu hàng tháng từ Biểu số 05T/BCN-CSXH.

Lưu ý khi tổng hợp báo cáo thống kê tháng 01 hàng năm

Các chỉ tiêu về số tiền thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN, số người được xét duyệt hưởng BHXH, BHTN (mã số 08 - mã số 15; mã số 22 - mã số 48): số liệu cột 1 ghi=0. Số liệu phát sinh trong tháng 01 ghi vào cột 2 = số liệu cột 3.

Riêng các chỉ tiêu về số người đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN (mã số 01 - mã số 07); số tiền nợ BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN (mã số 16 - mã số 21) ghi số liệu tại thời điểm 31/12 năm trước vào cột 1 của báo cáo tháng 01, số liệu phát sinh trong tháng 01 ghi vào cột 2, số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo cột 3 = cột 1 + cột 2.

6. Thời hạn báo cáo

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 05 tháng sau tháng báo cáo

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 10 tháng sau tháng báo cáo.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 02T/BCN-THU: Thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của ngành BHXH thực hiện trong tháng từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT phát sinh, các đơn vị (bộ phận) nghiệp vụ chốt số liệu và lập Biểu số 02T/BCN-THU gửi về đầu mỗi được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thu có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý thu có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số.

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH các huyện thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh và đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

- Cột 1: ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT trong kỳ báo cáo

- Cột 2: ghi số người tham gia BHXH bắt buộc trong kỳ báo cáo.

- Cột 3: ghi số tiền thu BHXH bắt buộc phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 4: ghi số người tham gia BHXH tự nguyện trong kỳ báo cáo.

- Cột 5: ghi số tiền thu BHXH tự nguyện phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 6: ghi số người tham gia BHTNLD-BNN trong kỳ báo cáo.

- Cột 7: ghi số tiền thu BHTNLD-BNN phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 8: ghi số người tham gia BHTN trong kỳ báo cáo.

- Cột 9: ghi số tiền thu BHTN phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 10: ghi số người tham gia BHYT trong kỳ báo cáo.

- Cột 11: ghi số tiền thu BHYT phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 12: ghi số tiền thu lãi phạt chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 13: ghi tổng số tiền nợ BHXH, BHTN, BHYT phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 14: ghi số tiền nợ BHXH phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 15: ghi số tiền nợ BHTN phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 16: ghi số tiền nợ BHTN phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 17: ghi tổng số tiền nợ BHYT phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 18: ghi số tiền NSNN chưa chuyển trả đóng và hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng phát sinh trong kỳ báo cáo.

Hàng tháng, căn cứ vào số thực hiện các chỉ tiêu phát sinh trong tháng, tốc độ tăng, giảm của các chỉ tiêu qua các tháng liên kế, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 05 tháng sau tháng báo cáo

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 08 tháng sau tháng báo cáo.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 02N/BCN-THU: Thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT phân theo loại hình kinh tế

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của Ngành thực hiện trong năm từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT phát sinh, đơn vị (bộ phận) nghiệp vụ chốt số liệu và lập Biểu số 02N/BCN-THU gửi về đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thu có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý thu có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột 1: Ghi số đơn vị đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN theo khối quản lý.

Cột 2: Ghi số người đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN phát sinh trong năm báo cáo tương ứng với từng chỉ tiêu hàng dọc tại cột A.

Cột 3: Ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN trong năm báo cáo tương ứng với số người tại chỉ tiêu hàng dọc.

Cột 4: Ghi số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN từ các đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

Cột 5: Ghi số tiền thu từ NSNN: là số tiền chuyển từ NSNN đóng, hỗ trợ mức đóng cho các đối tượng theo quy định.

MS 01= MS (02+15+16)

MS 28 = MS (29+30+31+32+33+34+35+36+37+38+39)

MS 40 = MS (41+53+61+83+93+94)

5. Nguồn số liệu

Căn cứ số liệu năm báo cáo theo các chỉ tiêu tương ứng tại các Biểu số B2a-TS, B02b-TS của Quyết định 595/QĐ-BHXH.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 18 tháng 6 năm sau

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 22 tháng 6 năm sau.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 03T/BCN-TCKT: Thông kê chi BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của Ngành trong tháng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHTN tại đơn vị, các bộ phận nghiệp vụ chốt số liệu phát sinh trong tháng, ước thực hiện tháng tiếp theo và lập Biểu số 03T/BCN-TCKT gửi về đầu mỗi được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số cụ thể:

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại cột A và thực hiện đánh mã số từ 01 đến 63 tại cột B.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH quận, huyện trực thuộc BHXH tỉnh tại cột A và đánh mã số từ 01 tại cột B.

- Cột 1: Ghi tổng số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN
- Cột 2: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN theo quy định).
- Cột 3: Ghi tổng số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN
- Cột 4: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN
- Cột 5: Ghi người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ quỹ hưu trí – tử tuất
- Cột 6: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHXH hàng tháng từ quỹ hưu trí - tử tuất (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ quỹ hưu trí - tử tuất theo quy định)
- Cột 7: Ghi người hưởng các chế độ BHXH một lần từ quỹ hưu trí - tử tuất
- Cột 8: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHXH một lần từ quỹ hưu trí - tử tuất
- Cột 9: Ghi người hưởng các chế độ BHTNLD-BNN hàng tháng từ quỹ TNLD-BNN
- Cột 10: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHTNLD-BNN hàng tháng từ quỹ TNLD-BNN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng trợ cấp TNLD-BNN từ nguồn quỹ TNLD-BNN theo quy định)
- Cột 11: Ghi người hưởng các chế độ BHTNLD-BNN một lần từ quỹ TNLD-BNN
- Cột 12: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHTNLD-BNN một lần từ quỹ TNLD-BNN
- Cột 13: Ghi tổng số lượt người hưởng chế độ ốm đau, tai sản
- Cột 14: Ghi tổng số tiền chi chế độ ốm đau, thai sản (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng chế độ ốm đau, thai sản từ nguồn quỹ ốm đau, thai sản theo quy định)
- Cột 15: Ghi tổng số người được hưởng các chế độ BHTN
- Cột 16: Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHTN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng trợ cấp BHTN từ quỹ BHTN theo quy định)

** Lưu ý: Số liệu tổng hợp vào báo cáo là số thực chi*

5. Nguồn số liệu

- BHXH tỉnh, BHXH huyện: Căn cứ vào Báo cáo chi trả chế độ BHXH Biểu số 4-CBH, Biểu số 5-CBH ban hành kèm theo của Quyết định 828/QĐ-BHXH ngày 27/5/2016 của BHXH Việt Nam.

- BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán căn cứ vào số liệu tại các báo cáo tổng hợp Biểu số 1-QLC, Biểu số 2a-QLC, Biểu số 3-QLC, Biểu số 5-QLC ban hành kèm theo Quyết định 828/QĐ-BHXH ngày 27/5/2016 của BHXH Việt Nam.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 05 tháng sau tháng báo cáo

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 08 tháng sau tháng báo cáo.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 03N/BCN-TCKT: Thống kê số người hưởng, số tiền chi các chế độ BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình số người chi và số tiền chi trả các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của Ngành trong năm báo cáo.

2. Trách nhiệm lập

Định kỳ hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHTN và số người hưởng các chế độ BHXH, BHTN tại đơn vị, bộ phận nghiệp vụ chốt số liệu và lập Biểu số 03N/BCN-TCKT gửi về đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột C: ghi đơn vị tính của các chỉ tiêu

Cột 1: Ghi số đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHTN đã được chi trả trong năm báo cáo tương ứng với chỉ tiêu Cột A.

Lưu ý: số người được chi trả hàng tháng là số người được chi trả tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo.

Số đối tượng được chi trả một lần là số đối tượng chi trả cộng dồn từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo.

Cột 2: Ghi số tiền đã chi trả các chế độ BHXH, BHTN tương ứng với các chỉ tiêu cột A.

MS 01= MS (02+13+20+21)

MS 22 = MS (23+44+57)

MS 23 = MS (24+30+37+43)

MS 44 = MS (45+48+56)

MS 62 = MS (63+64+65+66+67)

5. Nguồn số liệu

- BHXH tỉnh, BHXH huyện: Căn cứ vào Báo cáo chi trả chế độ BHXH Biểu số 4-CBH, Biểu số 5-CBH ban hành kèm theo của Quyết định 828/QĐ-BHXH ngày 27/5/2016 của BHXH Việt Nam.

- BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán căn cứ vào số liệu tại các báo cáo tổng hợp Biểu số 1-QLC, Biểu số 2a-QLC, Biểu số 3-QLC, Biểu số 5-QLC ban hành kèm theo Quyết định 828/QĐ-BHXH ngày 27/5/2016 của BHXH Việt Nam.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 18 tháng 6 năm sau

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 22 tháng 6 năm sau.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 04T/BCN-CSYT: Thông kê chi khám chữa bệnh BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình chi KCB BHYT của đơn vị và của Ngành trong tháng từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào tình hình thực hiện chi KCB BHYT tại đơn vị, các bộ phận nghiệp vụ chốt số liệu và lập báo cáo 04T/BCN-TCKT gửi về đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHYT có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Giám định BHYT có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số cụ thể:

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại cột A và thực hiện đánh mã số từ 01 đến 63 tại cột B.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH quận, huyện trực thuộc BHXH tỉnh tại cột A và đánh mã số từ 01 tại cột B.

- Cột 1: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh ngoại trú phát sinh trong kỳ.

- Cột 2: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh ngoại trú phát sinh trong kỳ.
- Cột 3: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh nội trú phát sinh trong kỳ.
- Cột 4: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh nội trú phát sinh trong kỳ.
- Cột 5: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.
- Cột 6: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm tháng báo cáo.
- Cột 7: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm tháng báo cáo.
- Cột 8: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm tháng báo cáo.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống phần mềm giám định BHYT

Lưu ý khi tổng hợp báo cáo thống kê tháng 01 hàng năm

Các chỉ tiêu về số lượt người, số tiền chi KCB BHYT nội trú, ngoại trú: số thực hiện trong tháng 01 = số lũy kế đến tháng báo cáo tương ứng với các chỉ tiêu: số liệu báo cáo là số liệu phát sinh từ ngày 01/01 đến ngày 31/01 của kỳ báo cáo.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 05 tháng sau tháng báo cáo

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 08 tháng sau tháng báo cáo.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 05T/BCN-CSXH: Thống kê số người được giải quyết hưởng các chế độ BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của ngành BHXH trong tháng, từ đó đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào số hồ sơ giải quyết hưởng các chế độ BHXH, BHTN mới phát sinh tại đơn vị, bộ phận nghiệp vụ tổng hợp số liệu phát sinh trong tháng và ước thực hiện tháng tiếp theo, lập báo cáo 05T/BCN-CSXH gửi về đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê để tổng hợp và lưu trữ theo quy định, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ KHĐT để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số người được giải quyết hưởng chế độ hưu trí
- Cột 2: Ghi số người được giải quyết hưởng chế độ trợ cấp tuất hàng tháng
- Cột 3: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng
- Cột 4: Ghi số người được giải quyết hưởng BHXH một lần
- Cột 5: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu
- Cột 6: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp TNLĐ-BNN một lần
- Cột 7: Ghi số người chết do TNLĐ hưởng chế độ một lần
- Cột 8: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp BNN một lần
- Cột 9: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp tuất một lần
- Cột 10: Ghi số lượt người được giải quyết trợ cấp ốm đau
- Cột 11: Ghi số lượt người được giải quyết trợ cấp thai sản
- Cột 12: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản.
- Cột 13: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
- Cột 14: Ghi số người được giải quyết hưởng hỗ trợ học nghề

5. Nguồn số liệu

- Số liệu số người được giải quyết hưởng các chế độ BHXH căn cứ vào Quyết định số 636/QĐ-BHXH: Biểu số 01A-HSB, 02-HSB, 20-HSB.

- Số liệu số người được giải quyết hưởng các chế độ BHTN căn cứ vào số Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp từ Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh tổng hợp chuyển sang cơ quan BHXH thực hiện chi trả.

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH tỉnh: hoàn thành ngày 05 tháng sau tháng báo cáo

Tại BHXH Việt Nam: hoàn thành ngày 08 tháng sau tháng báo cáo.

Biểu số 06N/BCN-TCKT: Thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Tổng hợp số liệu về tình hình thu, chi các quỹ BHXH, BHTN, BHYT phục vụ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, Vụ Tài chính - Kế toán căn cứ số liệu trên báo cáo quyết toán tài chính năm lập Biểu số 06N/BCN-TCKT gửi Vụ KHĐT làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên chỉ tiêu

- Cột B: Ghi mã số chỉ tiêu

Mã số 01: Ghi Tổng số tiền thu

$$MS\ 01 = MS\ (02+03+08+13)$$

Mã số 02: Ghi số tiền NSNN cấp cho BHXH Việt Nam để chi các chế độ BHXH từ nguồn NSNN

Mã số 03: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHXH

$$MS\ 03 = MS\ (04+05+06+07)$$

Mã số 08: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHTN

$$MS\ 08 = MS\ (09+10+11+12)$$

Mã số 13: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHYT

$$MS\ 013 = MS\ (14+15+16+17)$$

Mã số 18: Ghi tổng số chi

$$MS\ 18 = MS\ (19+20+23+26)$$

Mã số 19: Ghi tổng số tiền chi BHXH từ nguồn NSNN

Mã số 20: Ghi tổng số tiền chi quỹ BHXH

$$MS\ 20 = MS\ (21+22)$$

Mã số 23: Ghi tổng số tiền chi từ quỹ BHTN

$$MS\ 23 = MS\ (24+25)$$

Mã số 26: Ghi tổng số tiền chi từ quỹ BHYT

$$MS26 = MS\ (27+28)$$

5. Nguồn số liệu: Báo cáo tài chính hàng năm của ngành BHXH

6. Thời hạn báo cáo:

Tại BHXH Việt Nam:

+ Vụ Tài chính - Kế toán hoàn thành ngày 15 tháng 9 năm sau

+ Vụ KHĐT hoàn thành ngày 30 tháng 9 năm sau.

Lưu ý: thời gian nộp báo cáo thống kê khi trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì ngày đơn vị gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp./.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM